TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Bản án số: 742/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 26/7/2018
V/v: Tranh chấp ly hôn giữa bà C và ông Đ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Ngọc Ánh Minh
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Nguyễn Thị Kim Hồng
2. Ông Danh Cư

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệu Trinh – Thư ký của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Thanh Nhàn – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 328/2016/TLST-HNGĐ, ngày 14 tháng 4 năm 2016, về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 05/7/2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Ngọc C, sinh năm 1981
Nơi cư trú: Ấp A, xã B, huyện D, tỉnh E.

2. Bị đơn: Ông Ngô Thuận Đ, sinh năm 1973
Nơi cư trú: Số 65/34E2 đường G, Phường H, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Các đương sự có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 15/3/2016 cùng các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ, nguyên đơn bà Phạm Ngọc C trình bày:

Bà C và ông Ngô Thuận Đ chung sống vào năm 2002, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường H, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 68, quyển số 01/2002, đăng ký ngày 07/6/2002. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh là do ông Đ hay ghen tuông và thường xuyên có hành vi bạo hành đối với bà C. Dù bà C đã cho ông Đ cơ hội để hòa giải đoàn tụ nhưng không thành, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, vợ chồng không còn sự chia sẻ và tôn trọng nhau, cuộc sống gia đình không có hạnh phúc, bà C không còn tình cảm với ông Đ. Hai bên đã không còn sống chung từ năm 2010 cho đến nay. Do đó, bà C yêu cầu Tòa án giải quyết cho được ly hôn với ông Đ. Về con chung: Có 01 con

chung tên Ngô Hiểu Ng, sinh ngày 23/3/2003, bà C yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Bà C tự khai không có tài sản chung.Về nợ chung: Bà C tự khai không nợ gì của ai.

Bị đơn ông Ngô Thuận Đ trình bày: Ông Đ và bà C chung sống vào năm 2002, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường M, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 68, quyển số 01/2002, đăng ký ngày 07/6/2002. Ông Đ thừa nhận có đánh bà C như bà C trình bày, nguyên nhân là do ông Đ không kiềm chế được bản thân. Khi bà C bỏ nhà đi ông Đ có đi tìm để hàn gắn nhưng không được, hai bên đã ly thân từ năm 2010 cho đến nay. Nay bà C yêu cầu ly hôn, ông Đ không đồng ý vì ông Đ còn yêu thương bà C, mong muốn Tòa án cho ông cơ hội để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Về con chung: Có 01 con chung tên Ngô Hiểu Ng, sinh ngày 23/3/2003, ông Đ đồng ý giao con chung cho bà C trực tiếp nuôi dưỡng, ông Đ xin tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Ông Đ xác định tài sản chung vợ chồng đã tự giải quyết, không có yêu cầu tranh chấp gì tại Tòa. Về nợ chung: Ông Đ xác định không nợ gì của ai.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án và xét xử Tòa án đã chấp hành đúng các qui định của pháp luật về tố tụng dân sự, các đương sự chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Ngọc C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời phát biểu ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Xét đơn yêu cầu xin ly hôn của bà Phạm Ngọc C thì đây là tranh chấp ly hôn theo yêu cầu một bên, do bị đơn là ông Ngô Thuận Đ có nơi cư trú tại Quận 8 nên vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 8 theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về các yêu cầu của đương sự:

Bà Phạm Ngọc C và ông Ngô Thuận Đ chung sống vào năm 2002, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường H, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 68, quyển số 01/2002, đăng ký ngày 07/6/2002, nên xét đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp phù hợp với Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Xét yêu cầu ly hôn của bà C, bà C trình bày trong thời gian chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do ông Đ hay ghen tuông và thường xuyên có hành vi bạo hành đối với bà C. Dù bà C đã cho ông Đ cơ hội để hòa giải đoàn tụ nhưng không thành, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, vợ chồng không còn sự chia sẻ và tôn trọng nhau, cuộc sống gia đình không có hạnh phúc, bà C không còn tình cảm với ông Đ. Hai bên đã không còn sống chung từ năm 2010 cho đến nay. Tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên bà C yêu cầu được ly hôn. Căn cứ Điều 51 Luật Hôn nhân và Gia đình, yêu cầu của bà C là có căn cứ cần giải quyết. Ông Đ thừa nhận có hành vi bạo hành đối với bà C do ông Đ không kiềm chế

được bản thân. Khi bà C bỏ nhà đi ông Đ có đi tìm để hàn gắn nhưng không được, hai bên đã ly thân từ năm 2010 cho đến nay. Ông Đ không đồng ý ly hôn vì còn yêu thương bà C, mong muốn Tòa án cho ông cơ hội để hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Xét thấy, lời khai của hai bên cũng phù hợp với kết quả xác minh của Tòa án tại địa phương nơi hai bên đã chung sống trước khi ly thân, hiện tại hai bên không còn chung sống với nhau. Trong quá trình chuẩn bị xét xử, Tòa án cũng đã nhiều lần tạo điều kiện cho hai bên hòa giải đoàn tụ gia đình nhưng không thành do bà C kiên quyết xin được ly hôn vì không còn tình cảm với ông Đ, hai bên đã ly thân được 08 năm, đã có nhiều thời gian để suy nghĩ về tình cảm vợ chồng, tuy nhiên tình cảm vợ chồng giữa bà C và ông Đ không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã phát sinh trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không còn đạt được, nên yêu cầu ly hôn của bà C cần chấp nhận vì phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về con chung: Bà C và ông Đ có 01 con chung tên Ngô Hiểu Ng, sinh ngày 23/3/2003, hiện nay bà C đang nuôi dưỡng, bà C yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, ông Đ đồng ý giao trẻ Ng cho bà C nuôi dưỡng, xét yêu cầu này là phù hợp với Điều 81 Luật Hôn Nhân và Gia Đình mặt khác cũng phù hợp với nguyện vọng của con chung nên chấp nhận. Bà C chưa có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho ông Đ cho đến khi có yêu cầu.

Về tài sản chung: Bà C xác định không có tài sản chung. Ông Đ xác định tài sản chung vợ chồng đã tự giải quyết, không có yêu cầu tranh chấp gì tại Tòa. Về nợ chung: Đương sự tự khai không nợ gì của ai.

[3] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ Luật tố tụng Dân sự và Điều 27 của Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án thì bà C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 8, 9, 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 207, Khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Phạm Ngọc C và ông Ngô Thuận Đ.

2. Về nuôi con chung:

Giao 01 con chung tên Ngô Hiểu Ng, sinh ngày 23/3/2003 cho bà Phạm Ngọc C trực tiếp nuôi dưỡng, tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho ông Đ cho đến khi có yêu cầu.

Ông Đ có quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

Vì lợi ích của trẻ, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Bà C tự khai không có tài sản chung. Ông Đ xác định tài sản chung vợ chồng đã tự giải quyết, không có yêu cầu tranh chấp gì tại Tòa. Về nợ chung: Đương sự tự khai không nợ gì của ai.

4. Án phí dân sự sơ thẩm là 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng), bà Phạm Ngọc C phải chịu, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0001051 ngày 01/4/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà C đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Bà Phạm Ngọc C và ông Ngô Thuận Đ có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày tính kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự; Người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo các Điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án Dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.8;
- Chi cục THADS Q.8;
- UBND Phường H, Quận T;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

Trần Ngọc Ánh Minh